

GIỚI THIỆU
NỘI DUNG CỦA LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA
10 LUẬT CÓ LIÊN QUAN ĐẾN AN NINH, TRẬT TỰ

Ngày 10/12/2025, Quốc hội đã thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 10 Luật có liên quan đến An ninh, Trật tự số 118/2025/QH15 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2026. Luật số 118/2025/QH15 được ban hành có những nội dung cơ bản như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH LUẬT

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

1.1. Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia yêu cầu: “Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo trong hoạt động của các cơ quan trong hệ thống chính trị; nâng cao hiệu quả quản trị quốc gia, hiệu lực quản lý nhà nước trên các lĩnh vực, bảo đảm quốc phòng và an ninh”.

1.2. Kết luận số 126-KL/TW ngày 14/02/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về một số nội dung, nhiệm vụ tiếp tục sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị; Kết luận số 127-KL/TW ngày 28/02/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về triển khai nghiên cứu, đề xuất tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị; Nghị quyết số 60-NQ/TW ngày 12/4/2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về Hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII đã chỉ đạo các nội dung liên quan đến sáp nhập đơn vị hành chính cấp tỉnh, không tổ chức cấp huyện, sáp nhập cấp xã và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp; sắp xếp các tổ chức chính trị - xã hội, các hội quần chúng được Đảng và Nhà nước giao nhiệm vụ vào Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân; xây

dựng hệ thống tổ chức đảng ở địa phương.

1.3. Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới đề ra mục tiêu: “Năm 2025, cơ bản hoàn thành việc tháo gỡ những “điểm nghẽn” do quy định pháp luật. Năm 2027, hoàn thành việc sửa đổi, bổ sung, ban hành mới văn bản pháp luật bảo đảm cơ sở pháp lý đồng bộ cho hoạt động của bộ máy nhà nước theo mô hình chính quyền 3 cấp.”.

1.4. Nghị quyết số 203/2025/QH15 ngày 16/6/2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Luật Tổ chức chính quyền địa phương (Luật số 72/2025/QH15) chính thức bỏ cấp huyện, chuyển đổi mô hình tổ chức chính quyền địa phương từ 3 cấp thành 2 cấp, gồm: tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; xã, phường, đặc khu thuộc cấp tỉnh, chính thức hoạt động từ ngày 01/7/2025.

1.5. Điểm a, điểm b khoản 1 Điều 50 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định việc xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật được thực hiện theo trình tự, thủ tục rút gọn thuộc trường hợp: (1) Trường hợp khi có yêu cầu đột xuất, cấp bách vì lý do quốc phòng, an ninh; (2) Trường hợp cấp bách để giải quyết vấn đề phát sinh trong thực tiễn.

1.6. Khoản 2 Điều 11 Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước quy định: “Cơ quan, người có thẩm quyền phải ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo trình tự, thủ tục rút gọn để xử lý các văn bản chịu sự tác động do sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước”.

2. Cơ sở thực tiễn

2.1. Từ ngày 01/3/2025, cơ cấu tổ chức của Chính phủ nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV đã thay đổi, từ 18 Bộ, 04 cơ quan ngang Bộ giảm xuống còn 14 Bộ, 03 cơ quan ngang Bộ; Bộ Công an hoạt động theo mô hình bộ máy mới (không tổ chức Công an cấp huyện), tiếp nhận các chức năng, nhiệm vụ mới (quản lý nhà nước về an toàn thông tin mạng; quản lý nhà nước và thực hiện bảo đảm an ninh

hàng không; quản lý nhà nước về cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy; quản lý nhà nước về sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ; quản lý nhà nước về lý lịch tư pháp và thực hiện dịch vụ công cấp Phiếu lý lịch tư pháp); một số cơ quan, đoàn thể khác trong hệ thống chính trị có liên quan đến hoạt động của lực lượng Công an nhân dân đã có sự thay đổi về tổ chức bộ máy. Từ ngày 01/7/2025, mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp chính thức hoạt động. Do đó, cần phải rà soát, sửa đổi, bổ sung các văn bản pháp luật liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, hoạt động của lực lượng Công an nhân dân chịu tác động bởi kết quả sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước.

Qua rà soát, Bộ Công an thấy rằng có 10 luật về quản lý hành chính liên quan đến hoạt động, chức năng, nhiệm vụ của lực lượng Công an nhân dân cần sửa đổi, bổ sung để phù hợp với kết quả sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước, gồm: Luật Cảnh vệ, Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam, Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam, Luật Cư trú, Luật Căn cước, Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở, Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ, Luật Đường bộ, Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ, Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.

2.2. Bên cạnh đó, qua công tác theo dõi thi hành pháp luật cho thấy một số khó khăn, vướng mắc gặp phải trong quá trình thực hiện Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam; Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam; Luật Cư trú; Luật Căn cước; Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ; Luật Đường bộ; Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ cần xử lý, tháo gỡ kịp thời để đáp ứng yêu cầu cấp bách của thực tiễn, phù hợp với chủ trương đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số quốc gia, phân cấp, phân quyền, cắt giảm thủ tục hành chính và thống nhất với hệ thống pháp luật.

II. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU CHÍNH SÁCH HƯỚNG TỚI

1. Quan điểm

1.1. Thể chế hóa, thực hiện nghiêm chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước về sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước, phát triển khoa học, công nghệ,

đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số quốc gia, phân cấp, phân quyền, cắt giảm thủ tục hành chính.

1.2. Bảo đảm tuân thủ Hiến pháp và tính thống nhất của hệ thống pháp luật; bảo đảm quyền con người, quyền công dân.

2. Mục tiêu

Việc xây dựng Luật nhằm bảo đảm quy định của 10 có liên quan đến an ninh, trật tự phù hợp với kết quả sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước, chính quyền địa phương 02 cấp, đáp ứng yêu cầu cấp bách của thực tiễn, phù hợp với chủ trương đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số quốc gia, phân cấp, phân quyền, cắt giảm thủ tục hành chính và thống nhất với hệ thống pháp luật.

III. BỐ CỤC, NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA LUẬT

1. Bố cục

Luật số 118/2025/QH15 gồm 11 điều, trong đó, sửa đổi, bổ sung 155/570 điều và bổ sung 03 điều mới tại 10 luật liên quan đến an ninh, trật tự, cụ thể như sau:

- Điều 1: sửa đổi, bổ sung 06/36 điều của Luật Cảnh vệ.
- Điều 2: sửa đổi, bổ sung 20/59 điều của Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam và bổ sung 01 điều mới vào Luật này.
- Điều 3: sửa đổi, bổ sung 16/53 điều của Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam và bổ sung 02 điều mới vào Luật này.
- Điều 4: sửa đổi, bổ sung 13/38 điều của Luật Cư trú.
- Điều 5: sửa đổi, bổ sung 14/46 điều của Luật Căn cước.
- Điều 6: sửa đổi, bổ sung 06/33 điều của Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở.
- Điều 7: sửa đổi, bổ sung 26/89 điều của Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ.
- Điều 8: sửa đổi, bổ sung 25/86 điều, trong đó, bãi bỏ 01 điều của Luật Đường bộ.

- Điều 9: sửa đổi, bổ sung 24/75 điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ.

- Điều 10: sửa đổi, bổ sung 05/55 điều của Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.

- Điều 11: điều khoản thi hành.

2. Những nội dung cơ bản của Luật

2.1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cảnh vệ (Điều 1)

2.1.1. Sửa đổi, bổ sung một số quy định của Luật Cảnh vệ liên quan đến Ban Đối ngoại Trung ương; Ủy ban Đối ngoại của Quốc hội; chính quyền cấp quận để phù hợp với kết quả sắp xếp tổ chức bộ máy, chính quyền địa phương 2 cấp.

2.1.2. Bổ sung đối tượng cảnh vệ, chế độ, biện pháp cảnh vệ tại Điều 10, Điều 11, Điều 11a, khoản 3 Điều 12, khoản 3 Điều 12a, điểm g2 khoản 1 Điều 20 Luật Cảnh vệ để phù hợp với Quy định số 368-QĐ/TW ngày 08/9/2025 của Bộ Chính trị về Danh mục vị trí chức danh, nhóm chức danh, chức vụ lãnh đạo của hệ thống chính trị, gồm: (1) Thường trực Ban Bí thư; (2) Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương; (3) Trưởng Ban Đảng ở Trung ương; (4) Chánh Văn phòng Trung ương Đảng; (5) Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh; (6) Khách mời của Thường trực Ban Bí thư.

2.2. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam (Điều 2)

2.2.1. Sửa đổi, bổ sung một số quy định của Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam liên quan đến Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam; Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; thị trấn, thị xã, thành phố; Ủy ban nhân dân thị trấn để phù hợp với kết quả sắp xếp tổ chức bộ máy, chính quyền địa phương 02 cấp.

2.2.2. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung để giải quyết các khó khăn, vướng mắc gặp phải trong quá trình thực hiện, đáp ứng yêu cầu cấp bách của thực tiễn, phù hợp với chủ trương đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số quốc gia, cắt giảm thủ tục hành chính, thống nhất với hệ thống pháp luật, cụ thể như sau:

a) Bổ sung quy định về ký hiệu thị thực ưu đãi đối với người nước ngoài tại Điều 8 Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam gồm: “*UD1 - Cấp cho người nước ngoài là nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao và các trường hợp được ưu đãi theo quy định của luật, nghị quyết của Quốc hội, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội*”; “*UD2 - Cấp cho người nước ngoài là vợ, chồng, con dưới 18 tuổi của người nước ngoài được cấp thị thực ký hiệu UD1*”. Đồng thời, bổ sung các quy định về thời hạn thị thực, điều kiện cấp thẻ tạm trú, thời hạn thẻ tạm trú đối với đối tượng này tại khoản 6 Điều 9, điểm b khoản 1 Điều 36, khoản 2 Điều 38 Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam.

b) Bổ sung trường hợp người nước ngoài được miễn thị thực tại Điều 12 Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam như sau: “*Người nước ngoài thuộc diện đối tượng đặc biệt cần ưu đãi phục vụ phát triển kinh tế - xã hội được miễn thị thực có thời hạn trên cơ sở bảo đảm quốc phòng, an ninh quốc gia và trật tự, an toàn xã hội theo quy định của Chính phủ*”.

c) Bổ sung thẩm quyền Bộ trưởng Bộ Công an quyết định trường hợp người nước ngoài được làm thủ tục cấp, cấp đổi, cấp lại thẻ thường trú tại cơ quan quản lý xuất nhập cảnh vì lý do ngoại giao, quốc phòng, an ninh tại Điều 43 Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam.

d) Bổ sung quy định công dân Việt Nam thường trú ở trong nước là ông, bà được mời, bảo lãnh cháu nội, cháu ngoại là người nước ngoài vào Việt Nam thăm tại Điều 45 Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam.

đ) Sửa đổi, bổ sung 03 thủ tục hành chính về nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam, gồm thủ tục cấp thị thực; cấp thị thực điện tử; cấp lại thẻ thường trú tại Điều 16, Điều 16b, Điều 43 Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam theo hướng cắt giảm thành phần giấy tờ và đẩy mạnh thực hiện trên môi trường điện tử. Bên cạnh đó, Luật đã bổ sung 01 điều vào Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam (Điều 6a) về việc khai thác và sử dụng thông tin

trong cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành để giải quyết thủ tục hành chính như sau: *“Đối với giấy tờ, thông tin thuộc thành phần hồ sơ đề nghị giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh và cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam đã có trong cơ sở dữ liệu quốc gia hoặc cơ sở dữ liệu chuyên ngành mà cơ quan tiếp nhận, giải quyết thủ tục có thể khai thác, sử dụng được thì không yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân phải cung cấp giấy tờ, thông tin đó”*.

2.3. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam (Điều 3)

2.3.1. Sửa đổi, bổ sung một số quy định của Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam liên quan đến các tổ chức sau khi sáp nhập vào Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; Huyện ủy; Quận ủy; Thị ủy; Thành ủy thuộc Tỉnh ủy; Ủy ban nhân dân cấp huyện; đơn vị hành chính cấp huyện; Công an thị trấn; Công an huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh để phù hợp với kết quả sắp xếp tổ chức bộ máy, chính quyền địa phương 02 cấp.

2.3.2. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung để giải quyết các khó khăn, vướng mắc gặp phải trong quá trình thực hiện, đáp ứng yêu cầu cấp bách của thực tiễn, phù hợp với chủ trương đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số quốc gia, cắt giảm thủ tục hành chính, thống nhất với hệ thống pháp luật, cụ thể như sau:

a) Bổ sung quy định hộ chiếu phổ thông cấp theo thủ tục rút gọn chỉ có giá trị sử dụng 01 lần khi xuất cảnh Việt Nam hoặc nhập cảnh Việt Nam tại Điều 7 Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam, cụ thể: *“Hộ chiếu phổ thông cấp theo thủ tục rút gọn có thời hạn không quá 12 tháng, không được gia hạn và chỉ có giá trị sử dụng 01 lần khi xuất cảnh Việt Nam hoặc nhập cảnh Việt Nam”*.

b) Sửa đổi, bổ sung về đối tượng được cấp hộ chiếu ngoại giao, đối tượng được cấp hộ chiếu công vụ tại khoản 10 Điều 8, điểm a khoản 2 Điều 9 Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam theo hướng cấp phó của người đứng đầu tổ chức chính trị - xã hội trực thuộc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam được cấp hộ chiếu ngoại giao; người đứng đầu cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh,

Ủy ban nhân dân cấp xã được cấp hộ chiếu công vụ.

c) Bổ sung quy định người bị tạm hoãn xuất cảnh mà đang ở nước ngoài thì không thuộc trường hợp chưa cấp giấy tờ xuất nhập cảnh tại khoản 2 Điều 21 Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam.

d) Bổ sung các trường hợp bị thu hồi, hủy giá trị sử dụng hộ chiếu tại Điều 27 Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam để phù hợp với thực tiễn, gồm: (1) hủy giá trị sử dụng của hộ chiếu phổ thông còn thời hạn đối với trường hợp đã được cấp hộ chiếu phổ thông mới; (2) thu hồi, hủy giá trị sử dụng của hộ chiếu đã được cấp nhưng bị sai thông tin trên hộ chiếu; (3) hủy giá trị sử dụng hộ chiếu của người đang bị truy nã.”. Đồng thời, bổ sung 02 điều mới (Điều 31a, Điều 31b) tại Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam quy định về trình tự thực hiện thu hồi, hủy giá trị sử dụng hộ chiếu nêu trên.

đ) Sửa đổi, bổ sung 03 thủ tục hành chính về xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam, gồm thủ tục cấp, gia hạn hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ ở trong nước; cấp hộ chiếu phổ thông ở trong nước; cấp hộ chiếu phổ thông ở nước ngoài tại khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 15, điểm b khoản 1a Điều 16 Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam theo hướng cắt giảm thành phần giấy tờ. Bên cạnh đó, Luật đã bổ sung tại khoản 2 Điều 40 Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam về quy định đối với giấy tờ, thông tin thuộc thành phần hồ sơ đề nghị giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam đã có trong các cơ sở dữ liệu mà cơ quan tiếp nhận, giải quyết thủ tục có thể khai thác, sử dụng được thì không yêu cầu công dân phải cung cấp giấy tờ, thông tin đó.

2.4. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cư trú (Điều 4)

2.4.1. Sửa đổi, bổ sung một số quy định của Luật Cư trú liên quan đến đơn vị hành chính cấp huyện ở nơi không có đơn vị hành chính cấp xã; Công an thị trấn; Công an huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương ở nơi không có đơn vị hành chính cấp xã; biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn để phù hợp với kết quả sắp xếp tổ chức bộ máy, chính quyền địa phương 02 cấp.

2.4.2. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung để giải quyết các khó khăn, vướng mắc gặp phải trong quá trình thực hiện, đáp ứng yêu cầu cấp bách của thực tiễn, phù hợp với chủ trương đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số quốc gia, cắt giảm thủ tục hành chính, thống nhất với hệ thống pháp luật, cụ thể như sau:

a) Bổ sung tại khoản 11 Điều 7 Luật Cư trú quy định cho phép đăng ký thường trú hoặc đăng ký tạm trú cho trẻ em dưới 6 tuổi về với cha hoặc mẹ hoặc người giám hộ mặc dù biết rõ người đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú không sinh sống tại chỗ ở đó; bổ sung tại Điều 20, Điều 21 Luật Cư trú quy định người dưới 6 tuổi được đăng ký thường trú tại chỗ ở hợp pháp không thuộc quyền sở hữu của mình khi về ở với cha, mẹ, người giám hộ mà không cần sự đồng ý của chủ hộ và chủ sở hữu chỗ ở hợp pháp đó.

b) Bổ sung quy định xóa đăng ký thường trú, xóa đăng ký tạm trú đối với người đã được cơ quan có thẩm quyền huỷ bỏ quyết định cho trở lại quốc tịch Việt Nam tại điểm đ khoản 1 Điều 24, điểm d khoản 1 Điều 29 Luật Cư trú.

c) Sửa đổi, bổ sung Điều 30 Luật Cư trú theo hướng chủ sở hữu hoặc người được giao quản lý phương tiện có trách nhiệm thông báo việc lưu trú với cơ quan đăng ký cư trú, cụ thể như sau:

“Điều 30. Thông báo lưu trú

1. Khi có người lưu trú qua đêm, thành viên hộ gia đình, người đại diện cơ sở chữa bệnh, cơ sở lưu trú du lịch, chủ sở hữu hoặc người được giao quản lý phương tiện, các cơ sở lưu trú khác có trách nhiệm thông báo việc lưu trú với cơ quan đăng ký cư trú; trường hợp người đến lưu trú tại chỗ ở của cá nhân, hộ gia đình mà cá nhân, thành viên hộ gia đình không có mặt tại chỗ ở đó thì người đến lưu trú có trách nhiệm thông báo việc lưu trú với cơ quan đăng ký cư trú.

2. Nội dung thông báo về lưu trú bao gồm: họ và tên, ngày, tháng, năm sinh, số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu của người lưu trú; lý do lưu trú; thời gian lưu trú; địa chỉ lưu trú.

3. Việc thông báo lưu trú được thực hiện trước 23 giờ của ngày bắt đầu lưu trú; trường hợp người đến lưu trú sau 23 giờ thì việc thông báo lưu trú được thực

hiện trước 08 giờ ngày hôm sau.

4. Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết việc thông báo lưu trú.”.

d) Sửa đổi, bổ sung về khai báo tạm vắng tại Điều 31 Luật Cư trú theo hướng bỏ hình thức đến khai báo tại cơ quan đăng ký cư trú, đồng thời bổ sung hình thức khai báo qua Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc ứng dụng định danh quốc gia.

đ) Sửa đổi, bổ sung 02 thủ tục hành chính về cư trú, gồm thủ tục đăng ký thường trú đối với trẻ em dưới 6 tuổi về ở với cha, mẹ, người giám hộ, đăng ký thường trú với người Việt Nam định cư ở nước ngoài về Việt Nam sinh sống không còn hộ chiếu Việt Nam còn giá trị sử dụng; điều chỉnh thông tin về cư trú trong Cơ sở dữ liệu về cư trú khi có thay đổi về hộ tịch tại Điều 21, Điều 26 Luật Cư trú theo hướng cắt giảm thành phần giấy tờ và đẩy mạnh thực hiện trên môi trường điện tử.

2.5. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Căn cước (Điều 5)

2.5.1. Sửa đổi, bổ sung một số quy định của Luật Căn cước liên quan đến thị trấn; đơn vị hành chính cấp huyện; Công an huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương để phù hợp với kết quả sắp xếp tổ chức bộ máy, chính quyền địa phương 02 cấp.

2.5.2. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung để giải quyết các khó khăn, vướng mắc gặp phải trong quá trình thực hiện, đáp ứng yêu cầu cấp bách của thực tiễn, phù hợp với chủ trương đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số quốc gia, cắt giảm thủ tục hành chính, thống nhất với hệ thống pháp luật, cụ thể như sau:

a) Bổ sung tại khoản 11 Điều 10 Luật Căn cước giao Chính phủ quy định lộ trình, thời hạn hoàn thành việc kết nối, chia sẻ dữ liệu với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

b) Bổ sung quy định thu hồi thẻ căn cước đối với công dân bị huỷ bỏ quyết định cho trở lại quốc tịch Việt Nam tại điểm a khoản 1 Điều 29 Luật Căn cước.

c) Bổ sung tại Điều 33 Luật Căn cước quy định “*Trường hợp người được cấp căn cước điện tử đã xuất trình căn cước điện tử theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền thì cơ quan, tổ chức, cá nhân đó không được yêu*

cầu người được cấp căn cước điện tử xuất trình giấy tờ hoặc cung cấp thông tin đã được tích hợp vào căn cước điện tử”.

d) Bổ sung tại khoản 4 Điều 25 Luật Căn cước quy định người có thông tin trên thẻ căn cước thay đổi do sắp xếp đơn vị hành chính được thực hiện cấp đổi thẻ căn cước trực tuyến trên cổng dịch vụ công, ứng dụng định danh quốc gia hoặc trực tiếp tại nơi làm thủ tục cấp thẻ căn cước. Bên cạnh đó, Luật bổ sung hành vi bị nghiêm cấm tại Điều 7 Luật Căn cước như sau: *“Yêu cầu công dân xuất trình giấy tờ đã được tích hợp vào căn cước điện tử, ứng dụng định danh quốc gia để giải quyết thủ tục hành chính, trừ trường hợp thông tin công dân cung cấp không thống nhất với thông tin đã được tích hợp hoặc pháp luật có quy định khác”.*

2.6. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở (Điều 6)

Luật này sửa đổi, bổ sung một số quy định của Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở liên quan đến đơn vị hành chính cấp huyện nơi không tổ chức đơn vị hành chính cấp xã; Hội đồng nhân dân cấp huyện tại nơi không tổ chức Hội đồng nhân dân cấp xã; Hội đồng nhân dân cấp huyện; Ủy ban nhân dân cấp huyện để phù hợp với kết quả sắp xếp tổ chức bộ máy, chính quyền địa phương 02 cấp.

2.7. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ (Điều 7)

2.7.1. Sửa đổi, bổ sung một số quy định của Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ liên quan đến nhiệm vụ quản lý nhà nước về sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ do Bộ Giao thông vận tải thực hiện; tên gọi Bộ Giao thông vận tải, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội để phù hợp với kết quả sắp xếp tổ chức bộ máy.

2.7.2. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung để giải quyết các khó khăn, vướng mắc gặp phải trong quá trình thực hiện, đáp ứng yêu cầu cấp bách của thực tiễn, phù hợp với chủ trương đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số quốc gia, thống nhất với hệ thống pháp luật, cụ thể như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 10 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường

bộ theo hướng loại trừ quy định xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách phải sử dụng thiết bị an toàn phù hợp cho trẻ em khi chở trẻ em dưới 10 tuổi và chiều cao dưới 1,35 mét trên xe.

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 27 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ theo hướng xe của lực lượng quân sự đi làm nhiệm vụ khẩn cấp có đèn nhấp nháy màu xanh và đỏ.

c) Sửa đổi, bổ sung nội dung giải thích từ ngữ về phương tiện giao thông thông minh tại khoản 4 Điều 34 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ, cụ thể như sau: *“Phương tiện giao thông thông minh là phương tiện giao thông đường bộ mà toàn bộ việc điều khiển, duy trì hoạt động của phương tiện không cần có sự điều khiển trực tiếp của người lái trên phương tiện đó”*.

Luật này cũng sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 35 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ theo hướng phương tiện giao thông thông minh là xe cơ giới, xe máy chuyên dùng thì phải được cơ quan có thẩm quyền cấp phép hoạt động.

d) Bổ sung tại khoản 2 Điều 35 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ quy định xe vận tải nội bộ phải lắp thiết bị giám sát hành trình; xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách dưới 08 chỗ (không kể chỗ của người lái xe), xe ô tô kinh doanh vận tải hàng hóa, xe vận tải nội bộ phải lắp thiết bị ghi nhận hình ảnh người lái xe; xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách từ 08 chỗ trở lên (không kể chỗ của người lái xe) phải lắp thiết bị ghi nhận hình ảnh khoang chở khách.

Đồng thời, Luật này bổ sung tại Điều 88 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ quy định về lộ trình thực hiện như sau: *“Quy định lắp thiết bị ghi nhận hình ảnh người lái xe đối với xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách dưới 08 chỗ (không kể chỗ của người lái xe), xe ô tô kinh doanh vận tải hàng hóa (trừ xe ô tô đầu kéo), xe vận tải nội bộ tại khoản 2 Điều 35 của Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2028. Quy định lắp thiết bị ghi nhận hình ảnh khoang chở khách đối với xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách từ 08 chỗ trở lên (không kể chỗ của người lái xe) tại khoản 2 Điều 35 của Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2029 và thực hiện theo lộ trình do Chính phủ quy định”*.

Bên cạnh đó, Luật này đã bổ sung quy định *“Việc xử lý dữ liệu thu được từ*

thiết bị ghi nhận hình ảnh người lái xe, thiết bị ghi nhận hình ảnh khoang chở khách thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân và quy định khác của pháp luật có liên quan” tại khoản 2 Điều 35 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ; bổ sung hành vi bị nghiêm cấm “Làm gián đoạn hoạt động hoặc làm sai lệch dữ liệu của thiết bị giám sát hành trình, thiết bị ghi nhận hình ảnh người lái xe, thiết bị ghi nhận hình ảnh khoang chở khách theo quy định của Luật này” và “Sử dụng dữ liệu thu được từ thiết bị ghi nhận hình ảnh người lái xe, thiết bị ghi nhận hình ảnh khoang chở khách để xâm phạm nhân phẩm, danh dự, đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, các quyền và lợi ích hợp pháp khác của cá nhân và tổ chức” tại Điều 9 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

đ) Bổ sung tại khoản 1 Điều 43 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ quy định: (1) cơ sở đăng kiểm là tổ chức cung cấp dịch vụ công thực hiện chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới cải tạo, xe máy chuyên dùng cải tạo; (2) cơ sở đăng kiểm chỉ được từ chối kiểm định trong các trường hợp: theo yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng; thông tin thể hiện trên chứng nhận đăng ký xe không đúng với biển số xe hoặc với phương tiện thực tế khi làm thủ tục kiểm định; chưa thực hiện cấp đổi chứng nhận đăng ký xe tại lần kiểm định tiếp theo sau khi phương tiện đã được cấp chứng nhận cải tạo; có căn cứ xác thực việc chủ xe làm giả tài liệu, giấy tờ của phương tiện.

e) Bổ sung tại điểm e khoản 3 Điều 60 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ theo hướng cho phép nâng hạng giấy phép lái xe từ hạng D1, D2, D lên hạng CE.

g) Bổ sung quy định thu hồi giấy phép lái xe đối với trường hợp người được cấp có hành vi gian dối để được cấp, đổi, cấp lại giấy phép lái xe tại điểm b khoản 5 Điều 62 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

h) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 64 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ như sau: *“Thời gian lái xe liên tục của người lái xe không quá 04 giờ, trừ trường hợp bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Thời gian làm việc của người lái xe trong một ngày, một tuần thực hiện theo quy định của Bộ luật Lao động”*. Như vậy, Luật này đã bỏ quy định thời gian lái xe của người lái xe ô tô

không quá 10 giờ trong một ngày và không quá 48 giờ trong một tuần; đồng thời, bổ sung về “trừ trường hợp bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan” để loại trừ các trường hợp tắc đường hoặc bất khả kháng khác.

2.8. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đường bộ (Điều 8)

2.8.1. Sửa đổi, bổ sung một số quy định của Luật Đường bộ liên quan đến tổ chức cơ quan thanh tra; nhiệm vụ quản lý nhà nước về sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ do Bộ Giao thông vận tải thực hiện; tên gọi Bộ Giao thông vận tải; đường huyện; trung tâm hành chính của huyện, thị xã, cấp huyện để phù hợp với kết quả sắp xếp tổ chức bộ máy, chính quyền địa phương 02 cấp.

2.8.2. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung để giải quyết các khó khăn, vướng mắc gặp phải trong quá trình thực hiện, giải quyết các khó khăn, vướng mắc gặp phải trong quá trình thực hiện, phù hợp với chủ trương phân cấp, phân quyền, cụ thể như sau:

a) Bỏ quy định phải thẩm tra, thẩm định về an toàn giao thông trong giai đoạn lập dự án đầu tư xây dựng công trình; thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở; trước khi đưa công trình đường bộ vào khai thác và trong quá trình khai thác công trình đường bộ đối với đường bộ có cấp kỹ thuật A, B, C, D, đường khác, đường phố gom, đường nội bộ đô thị tại khoản 1 Điều 29.

b) Bổ sung tại khoản 3 Điều 78 của Luật Đường bộ quy định cho phép người thuê xe gắn máy, xe mô tô hai bánh được sử dụng phương tiện đi thuê để vận tải hành khách, hàng hóa có thu tiền.

c) Phân cấp, phân quyền 05 nội dung, gồm:

- Điều chỉnh thẩm quyền tổ chức lập quy hoạch mạng lưới đường bộ từ Thủ tướng Chính phủ xuống Bộ Xây dựng tại điểm c khoản 1 Điều 5 Luật Đường bộ.

- Điều chỉnh thẩm quyền tổ chức lập quy hoạch kết cấu hạ tầng đường bộ từ Thủ tướng Chính phủ xuống Bộ Xây dựng tại điểm c khoản 2 Điều 5 Luật Đường bộ.

- Điều chỉnh thẩm quyền giao Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý tuyến, đoạn tuyến quốc lộ từ Thủ tướng Chính phủ xuống Bộ trưởng Bộ Xây dựng tại điểm a khoản 4 Điều 8 Luật Đường bộ.

- Điều chỉnh trách nhiệm công bố tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng từ Bộ Xây dựng xuống cơ quan quản lý đường bộ thuộc Bộ Xây dựng tại điểm a khoản 3 Điều 27 Luật Đường bộ.

- Điều chỉnh trách nhiệm công bố tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ thuộc phạm vi quản lý và đường chuyên dùng có hoạt động giao thông công cộng từ Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xuống cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tại điểm b khoản 3 Điều 27 Luật Đường bộ.

2.9. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ (Điều 9)

2.9.1. Sửa đổi, bổ sung một số quy định của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ liên quan đến Ủy ban nhân dân cấp huyện; cơ quan quân sự cấp huyện; cơ quan Công an cấp huyện để phù hợp với kết quả sắp xếp tổ chức bộ máy, chính quyền địa phương 02 cấp.

2.9.2. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung để phù hợp với chủ trương đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số quốc gia, phân cấp, phân quyền, cắt giảm thủ tục hành chính cụ thể như sau:

a) Phân cấp, phân quyền 05 nội dung, gồm:

- Điều chỉnh thẩm quyền quyết định trang bị loại vũ khí quân dụng ngoài các lực lượng Cơ yếu, Cơ quan điều tra của Viện kiểm sát nhân dân tối cao, An ninh hàng không, Kiểm lâm, Hải quan cửa khẩu, lực lượng chuyên trách phòng, chống buôn lậu của Hải quan, lực lượng phòng, chống tội phạm về ma túy của Hải quan, Kiểm ngư từ Thủ tướng Chính phủ xuống Bộ trưởng Bộ Công an tại khoản 4 Điều 19 Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ.

- Điều chỉnh thẩm quyền giao nhiệm vụ sản xuất vật liệu nổ công nghiệp từ Thủ tướng Chính phủ xuống Bộ trưởng Bộ Công Thương, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng hoặc Bộ trưởng Bộ Công an tại điểm a khoản 2 Điều 34 Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ.

- Điều chỉnh thẩm quyền giao nhiệm vụ kinh doanh vật liệu nổ công nghiệp từ Thủ tướng Chính phủ xuống Bộ trưởng Bộ Công Thương, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng hoặc Bộ trưởng Bộ Công an tại điểm a khoản 3 Điều 34 Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ.

dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ.

- Điều chỉnh thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất tiền chất thuốc nổ từ cơ quan có thẩm quyền thuộc Bộ Công Thương xuống cơ quan có thẩm quyền thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tại khoản 5 Điều 44 Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ.

- Điều chỉnh thẩm quyền cho phép tổ chức khác ngoài đơn vị chuyên ngành kỹ thuật về vũ khí, công binh thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an thực hiện tìm kiếm vũ khí, vật liệu nổ từ Thủ tướng Chính phủ xuống Bộ trưởng Bộ Công an tại khoản 5 Điều 62 Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ.

b) Sửa đổi, bổ sung 11 thủ tục hành chính về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ, gồm thủ tục cấp giấy phép trang bị, giấy phép sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ để triển lãm, trưng bày hoặc làm đạo cụ trong hoạt động văn hóa, nghệ thuật; trang bị vũ khí thể thao; cấp giấy phép sử dụng vũ khí thể thao; khai báo vũ khí thô sơ là hiện vật trưng bày, triển lãm, làm đồ gia bảo; cấp giấy phép kinh doanh công cụ hỗ trợ; cấp giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu công cụ hỗ trợ; trang bị công cụ hỗ trợ; cấp giấy phép mua công cụ hỗ trợ; cấp giấy phép sử dụng công cụ hỗ trợ; cấp giấy phép vận chuyển công cụ hỗ trợ; cấp giấy phép sửa chữa công cụ hỗ trợ tại điểm b khoản 3 Điều 14, điểm b khoản 1 Điều 25, điểm c khoản 1 Điều 26, khoản 2 Điều 31, khoản 3 Điều 50, khoản 2 Điều 51, điểm b khoản 1 Điều 53, khoản 2 Điều 54, điểm c khoản 2 Điều 55, điểm b khoản 2 Điều 56, điểm b khoản 1 Điều 57 Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ theo hướng đẩy mạnh thực hiện trên môi trường điện tử để tạo điều kiện thuận lợi hơn cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân.

2.10. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ (Điều 10)

Sửa đổi, bổ sung một số quy định của Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ liên quan đến đơn vị hành chính cấp huyện nơi không tổ chức đơn vị hành chính cấp xã; Bộ Giao thông vận tải; Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; Trưởng Công an cấp huyện để phù hợp với kết quả sắp xếp tổ chức bộ máy, chính quyền địa phương 02 cấp.
